

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2025/DSPT

Ngày 27 - 3 - 2025

V/v *Kiện đòi đất bị lấn chiếm.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hồng, bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2025/TLPT-DS ngày 06/01/2025, về việc *"Kiện đòi đất bị lấn chiếm"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 334/2024/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2025/QĐPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025, Quyết định Hoãn phiên tòa số: 91/2025/QĐ-PT ngày 12/3/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lục Văn N, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số A N, Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Nhật P, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số A N, Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn N1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H. sinh năm 1976; Địa chỉ: Số B N, tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số A N, Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

3.2. Bà Lục Thị H1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

3.3. Bà Lục Thu H2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số A N, Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Nhật P trình bày:

- Về nguồn gốc lô đất: Ông Lục Văn N và bà Hoàng Thị C được Nông trường 30/4 cấp đất vào năm 1987, diện tích tại thời điểm cấp đất: 555,6 m², không có quyết định cấp đất nhưng có xác nhận của Nông trường 30/4 về việc giao đất. Tứ cận lô đất tại thời điểm chuyển nhượng:

Phía Đông giáp lô đất của ông Trần Văn D;

Phía Nam giáp lô đất bà Lê Thị Y;

Phía Tây giáp lô đường nội bộ;

Phía Bắc giáp đất của ông Lục Văn N.

Đến ngày 05/11/2009, thì được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền AP 913200, tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 40, diện tích 546,2 m² (Trong đó: 300 m² đất ở; 246,2 m² đất trồng cây lâu năm) đứng tên hộ bà Hoàng Thị C và ông Lục Văn N.

Phần đất mà bà C, ông N sử dụng có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa đất số 332 của ông N1, bà H;

Phía Tây giáp đường, quy hoạch rộng 06m;

Phía Nam giáp thửa đất số 229 của nhà ông L;

Phía Bắc giáp thửa đất số 211 (Thửa này được tách ra thành 03 thửa: Thửa 456 của bà Lục Thị H1 - Con gái ông N, bà C; Thửa 457 - của Võ Nhật P, Lục Thu H2; Thửa 458 - của Võ Nhật P, Lục Thu H2).

- Quá trình sử dụng đất: Gia đình ông N, bà C đã xây dựng nhà ở trên một phần đất, diện tích khoảng 100 m² và hàng rào bao quanh đất.

Năm 2017, vợ chồng ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H tiến hành xây dựng nhà kho trên phần đất của ông N1, bà H. Quá trình xây dựng, ông N1, bà H đã tự ý dỡ bỏ hàng rào mà không có sự chứng kiến của ông N, bà C. Tại thời điểm đó, bố của ông N, bà C mất ở Đắk Nông nên cả gia đình ông N, bà C đi Đắk Nông để tang nên không chứng kiến việc xây dựng nhà kho của ông N1, bà H. Sau đó, ông N, bà C về thì ông bà Như H3 có nói là trả lại đất cho ông N, bà C nhưng không thực hiện.

Tháng 12 năm 2023, ông N có làm đơn kiến nghị lên UBND phường T. Đến tháng 01 năm 2024: UBND phường cũng tổ chức hòa giải và ông N1, bà H3 cũng đồng ý dỡ bỏ hàng rào và xây lại trong tháng 3 năm 2024 và gia đình chúng tôi cũng đồng ý hỗ trợ 3.000.000đ để xây lại trong tháng 3/2024. Nhưng đến nay, ông bà Như H3 vẫn không trả lại đất đã lấn chiếm.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại phần đất khoảng 2 m², có cạnh ngang là 0,2 m; cạnh dài 9,33 m, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết căn

cứ vào Trích đo hiện trạng thửa đất, ngày 10/7/2014 của Công ty TNHH Đ, nguyên đơn ông Lục Văn N thay đổi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 2,2 m² (theo Trích đo hiện trạng thửa đất, ngày 10/7/2014 của Công ty TNHH Đ). Phần đất bị lấn chiếm có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp phần đất mà bị đơn đang sử dụng, cạnh dài 0,3 m;

Phía Tây giáp phần đất mà nguyên đơn đang sử dụng, cạnh dài 0,3 m;

Phía Nam giáp phần đất mà bị đơn đang sử dụng, cạnh dài 7,36 m;

Phía Bắc giáp phần đất mà nguyên đơn đang sử dụng, cạnh dài 7,36 m;**22oieen**

-----Bị đơn ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về nguồn gốc đất: Vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Xuân Y1 (Đã chết), bà Nguyễn Thị L1 01 lô đất diện tích 06m x 44m = 264 m². Tứ cận lô đất tại thời điểm chuyển nhượng:

Phía Đông giáp đất ông Đỗ Văn L2, cạnh dài 06m;

Phía Tây giáp đường nhựa khối 11+12, cạnh dài 06m;

Phía Nam giáp đất của ông Hoàng Xuân Y1, bà Nguyễn Thị L1, cạnh dài 44m;

Phía Bắc giáp đất của bà Lê Thị Y, Nguyễn Thị T, cạnh dài 44m.

Tại thời điểm vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng thì đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 24/8/2022, thì được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 228947 tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 40, diện tích 256,4 m² đứng tên ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H.

Quá trình sử dụng đất:

Về nhà: Vợ chồng tôi xây dựng năm 2010, không có tranh chấp gì với ai. Khi xây nhà, thì nhà tôi thụt vào bên phía giáp ranh nhà ông N, nhưng phần đuôi phía sau nhà, gia đình nhà tôi đã đục 01 trụ lòi ra 30 cm về phía nhà ông N để xác định ranh giới đất của hai nhà.

Về nhà xưởng: Được vợ chồng tôi xây dựng tháng 02 năm 2017 (Âm lịch) căn cứ trên ranh giới từ trụ bê tông được gia đình tôi đục và chôn vào năm 2010, kéo thẳng ra hết đất phía sau phần đất của tôi trên cơ sở ranh với chủ đất phía sau nhà tôi.

Tại thời điểm xây dựng nhà xưởng thì, ông N bà C có ra chứng kiến việc xây dựng nhà xưởng và không có ý kiến gì và trả lời với tôi em làm đi, hôm nào chị về chị dọn cây, cây chè tàu chui trong lưới, tôi thấy anh chị đi công việc về có

ra dọn cây chè tàu, nằm chui trong lưới B40 nên gỡ lâu anh chị dọn cả tuần lễ không ý kiến gì.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị H1 trình bày:

Tôi được cha mẹ là ông Lục Văn N và bà Hoàng Thị C tặng cho thửa đất số 456, tờ bản đồ số 40 là lô đất liền kề với thửa 444 và 445. Thửa đất của tôi có chiều dài hai cạnh lần lượt là:

Cạnh tiếp giáp với thửa 457 có chiều dài trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 29,42m, nhưng thực tế đo đạc là 29,05m, bị thiếu 0,37m.

Cạnh tiếp giáp với thửa 445 có chiều dài trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 29,20m, nhưng thực tế đo đạc là 28,66m, bị thiếu 0,54m.

Lô đất trên của cha mẹ chúng tôi là do cha mẹ chúng tôi tạo dựng nên và tôi không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lục Thu H2 trình bày:

Tôi là con của ông Lục Văn N và bà Hoàng Thị C. Đối với tài sản là đất đang tranh chấp mà bố mẹ tôi khởi kiện tại Tòa án là tài sản của bố mẹ tôi, tôi không có công sức đóng góp gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của bố tôi thì tôi thống nhất và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị C trình bày:

Tôi là vợ của ông Lục Văn N. Vào năm 2017, cha chồng tôi mất nên gia đình chúng tôi về Đắc Nông thọ táng cha. Lúc này gia đình ông bà Nhung H3 tự ý dỡ bỏ hàng rào mà không có sự chứng kiến của gia đình chúng tôi. Sau khi tôi về thì họ đã xây dựng một bức hàng rào rồi.

Tôi đồng ý với chồng tôi là lấy lại đất đã bị lấn chiếm chứ không nhận lại giá trị đất. Yêu cầu ông N1, bà H3 phải tháo bỏ hàng rào này và phải trả lại đất cho gia đình chúng tôi. Hàng rào này là hàng rào kho không kiên cố nên việc phá bỏ hàng rào không ảnh hưởng gì đến kết cấu ngôi nhà đang ở. Tôi xin tòa án chấp nhận nguyện vọng gia đình chúng tôi.

Người làm chứng ông Y Lợi N2 trình bày:

Vào đầu tháng 02 âm lịch tôi có làm công phụ hồ cho nhà chị H3 và cũng có anh em có chặt hàng rào chè tàu để đào móng nhà và có mặt hai ông bà ở đó, tôi thấy mặt ông bà cũng tầm tuổi trung niên. Trong quá trình làm việc chúng tôi là người làm công cũng có thấy ông Lục Văn N ra chỉ mốc cột hàng rào.

Công trình làm năm 2017, tôi chứng kiến và cũng là người phụ hồ làm việc ở đó có thấy hai bên chỉ cho ranh giới đất làm tường rào đó. Tôi cam kết nội dung kê khai là đúng, tôi sẽ chịu hoàn toàn trước pháp luật.

Người làm chứng ông Nguyễn Kim C1 trình bày:

Tôi có chơi thân với bị đơn từ năm 2009 đến nay. Tôi không nhớ cụ thể ngày, vào đầu năm 2017, bản thân tôi có phụ giúp gia đình chị Nguyễn Thị H và

anh Đặng Văn N1 xây dựng hàng rào. Bản thân tôi có phụ giúp xây dựng hàng rào. Trong quá trình làm tôi có chứng kiến việc chặt cây chè tàu và tháo dỡ hàng rào cũ cho tới khi đào móng xây dựng hàng rào bản thân tôi thấy gia đình chị H và ông bà Lục Văn N hướng dẫn chúng tôi dọn dẹp cây, lưới B40 sau đó tôi có tham gia đào móng. Trong quá trình làm (Xây hàng rào), gia đình ông Lục Văn N không nói gì. Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người làm chứng ông Trần Văn T1 trình bày:

Vào chiều 02/6/2017, tôi có chở ông Lục Văn N đi huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vì cha ông Nam mất, đến đó tôi trở về.

Người làm chứng bà Võ Thị T2 trình bày:

Đầu tháng 6, cháu tôi là Võ Nhật P có nhờ tôi coi nhà cho gia đình ông N. Tôi xác nhận lúc tôi coi nhà thì gia đình ông N không có ai ở nhà vì lý do đi đám tang ở Đắk Nông. Tôi xin cam kết là thật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 334/2024/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 165, 166, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 97, Điều 164; Điều 166, 175, 189, 192 Bộ luật dân sự năm 2015
- Căn cứ vào các Điều 166, Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lục Văn N.

Buộc ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lục Văn N phần đất đã lấn chiếm có diện tích 1,178 m², phần đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp phần đất của ông N1, bà H, cạnh dài 0,16m;

Phía Tây giáp phần đất của ông N, bà C, cạnh dài 0,16 m;

Phía Bắc giáp phần đất của ông N, bà C, cạnh dài 7,36 m;

Phía Nam giáp thửa đất ông N1, bà H, cạnh dài 7,36 m.

Bị đơn ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm là T3 xây gạch dài 7,36 m; Thưng tôn diện tích 14,76 m²; Ống thoát nước mưa dài 7,36m để trả lại hiện trạng đất cho ông N.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

Yêu cầu ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 0,14 m x 7,36m.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc tài sản:

Buộc bị đơn ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho nguyên đơn ông Lục Văn N 10.951.000 đồng tiền chi phí tố tụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2024, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 334/2024/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Bị đơn bà H thay đổi rút một phần đơn kháng cáo về nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ đề nghị HĐXX xem xét lại phần chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H – Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 334/2024/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột về chi phí tố tụng. Căn cứ Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo mà bà Nguyễn Thị H đã rút.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa bị đơn bà H đã rút một phần kháng cáo về đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. HĐXX thấy việc rút một phần kháng cáo của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần người kháng cáo đã rút.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H đề nghị xem xét lại về chi phí tố tụng thì thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên: “*Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lục Văn N. Buộc ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông*

Lục Văn N phần đất đã lấn chiếm có diện tích 1,178 m². Và không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 0,14m x 7,36m". Tuy nhiên, về chi phí tố tụng lại buộc bị đơn phải chịu toàn bộ là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn về phần này, sửa án sơ thẩm theo hướng buộc nguyên đơn và bị đơn cùng phải chịu chi phí tố tụng, mỗi bên chịu ½ thì mới phù hợp với quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H về yêu cầu bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H – Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 334/2024/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột về phần chi phí tố tụng.

[2]. Tuyên xử

[2.1]. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lục Văn N.

Buộc ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lục Văn N phần đất đã lấn chiếm có diện tích 1,178 m², phần đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp phần đất của ông N1, bà H, cạnh dài 0,16m;

Phía Tây giáp phần đất của ông N, bà C, cạnh dài 0,16 m;

Phía Bắc giáp phần đất của ông N, bà C, cạnh dài 7,36 m;

Phía Nam giáp thửa đất ông N1, bà H, cạnh dài 7,36 m.

Bị đơn ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm là: Tường xây gạch dài 7,36m; Thung tôn diện tích 14,76 m²; Ống thoát nước mưa dài 7,36m để trả lại hiện trạng đất cho ông N.

[2.2]. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

Yêu cầu ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 0,14 m x 7,36m.

[2.3]. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn ông Lục Văn N và bị đơn ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H mỗi bên phải chịu 5.475.500 đồng tiền chi phí tố tụng.

Ông Lục Văn N được nhận lại 5.475.500 đồng khi thu được từ ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H.

[2.4]. Về án phí:

[2.4.1]. Án phí dân sự sơ thẩm

Buộc bị đơn ông Đặng Văn N1, bà Nguyễn Thị H phải chịu 934.721 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Lục Văn N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.4.2]. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0013894 ngày 21/10/2024 của Chi cục THADS thành phố B.

[2.5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Kim Khánh

